TÒA ÁN NHÂN DÂN Q. HẢI CHÂU
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2022/DS-ST
Ngày: 23 - 6 - 2022
"V/v Tranh chấp hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng*"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Hữu.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Công Tâm.
Ông Phạm Công Lương.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Anh Đào – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sátnhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵngtham gia phiên tòa*: Bà Hà Thị Thu Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2022/TLST- DS ngày 04 tháng 1 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2022/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q. Địa chỉ trụ sở: Tầng 1 (tầng trệt) và tầng 2 Tòa nhà S, phường B, quận 1 thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: ông Hàn Ngọc V. Chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thu H, chúc vụ: Giám đốc TTQLN NHBL – V theo giấy ủy quyền số 27869.20 ngày 04/01/2021; bà Phan Thị Thanh L, ông Nguyễn Ngọc C, ông Đặng Văn T. Chức vụ: Cán bộ Ngân hàng TMCP Q. Cùng địa chỉ: Tầng 6 Tòa nhà P- số 26 U, phường h quận B, thành phố H tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền số 86211.21 ngày 19/10/2021. Ông C có mặt.

Bị đơn: Bà Trần Thị Thu S, sinh năm 1995. Hộ khẩu thường trú: Tổ 18, phường H, quận C thành phố Đ. Địa chỉ liên lạc: 22 Đ, phường H, quận C, thành phố Đ. Bà S vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q trình bày:

Ngày 15/12/2020, bà Trần Thị Thu S khởi tạo phát hành thẻ tín dụng trực tuyến. Thẻ tín dụng được kích hoạt sử dụng ngày 20/12/2020, bà Trần Thị Thu Scũng đã ký Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản với V về việc sử dụng thẻ tín dụng. V đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà Trần Thị Thu S, chi tiết thẻ như sau: Thẻ tín dụng số: 5268873000374526; Loại thẻ: Thẻ tín dụng quốc tế VIB MC ONLINE PLUS; Ngày cấp: 19/12/2020; hạn mức thẻ: 50.000.000 đồng; Lãi suất, phí: theo Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng VIB.

Cụ thể: Lãi suất là 36%/năm trên dư nợ gốc. Phí thanh toán trễ hạn là 4% trên số tiền đến hạn thanh toán nhưng không trả nợ. Phí vượt hạn mức là 4% trên số tiền vượt hạn mức 50.000.000 đồng. Phí thường niên mỗi năm là 499.000 đồng.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, sử dụng thẻ tín dụng, bà Trần Thị Thu S đã vi phạm nội dung thỏa thuận tại Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản, để khoản nợ quá hạn từ ngày 10/6/2021.

Tính đến ngày 25/5/2021, tổng số tiền bà Trần Thị Thu S còn nợ V là 28.178.128 đồng, trong đó nợ gốc là: 22.905.718 đồng, nợ lãi: 2.417.426 đồng, nợ phí chậm thanh toán là: 2.854.984 đồng.

Ngày 05/6/2021, thẻ tín dụng có phát sinh thêm chi tiêu 17.250.870 đồng. Nên nợ gốc khoản thẻ tín dụng từ ngày 05/6/2021 là 40.156.588 đồng và nợ gốc đến nay vẫn là 40.156.588 đồng.

Từ ngày 25/5/2021 đến 23/6/2022, bà Trần Thị Thu S không thanh toán được khoản tiền nào cho ngân hàng.

Mặc dù V đã thường xuyên đôn đốc, tạo điều kiện trả nợ nhưng khách hàng không thực hiện việc trả nợ. Hiện các khoản vay của bà Trần Thị Thu S đã chuyển sang nợ xấu (nợ nhóm 5). Tạm tính đến ngày 23/6/2022, bà Trần Thị Thu S còn nợ Ngân hàng TMCP Q số tiền: 94.097.219 đồng.

Do vậy V đã khởi kiện bà Trần Thị Thu S tại TAND quận H phố Đ yêu cầu giải quyết buộc bà Trần Thị Thu S phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q tiền tạm tính đến ngày 23/6/2022 là: 94.097.219 đồng, bao gồm: Nợ gốc: 40.156.588 đồng; Nợ lãi: 17.949.935 đồng; Nợ phí: 36.445.696, đồng thời tiếp tục tính lãi, phí kể từ ngày 24/6/2022 cho đến khi bà Trần Thị Thu S thanh toán xong toàn bộ khoản nợ

theo quy định tại Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản đã ký.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm về vụ án như sau:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2 nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền 94.097.219 đồng, bao gồm: Nợ gốc: 40.156.588 đồng; Nợ lãi: 17.949.935 đồng; Nợ phí: 36.445.696 là phù hợp quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa và những tình tiết của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đây là vụ án tranh chấp phát sinh từ việc cấp hạn mức tín dụng thông qua hình thức thẻ tín dụng Ngân hàng giữa Ngân hàng TMCP Q với bà Trần Thị Thu S, căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng thể hiện địa chỉ của bị đơn tại phường H, quận C nên Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng thụ lý giải quyết vụ án là đúng về thẩm quyền.

[1.2] Quá trình thụ lý, Tòa án gửi thông báo về việc thụ lý vụ án cho bà Trần Thị Thu S về địa chỉ theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã giao kết với Ngân hàng tại 22 Đ, phường H, quận H, thành phố Đ. Qua xác minh thể hiện bà S hiện không sinh sống thực tế tại địa chỉ này, ngoài địa chỉ này bà S không còn đăng ký địa chỉ nào khác. Tòa án cũng đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng tại nơi cư trú và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng bị đơn không có bất kỳ văn bản phản hồi nào và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, do đó HĐXX xét xử vắng mặt bà Trần Thị Thu S.

[2]Về nội dung:

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bà Trần Thị Thu S phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ tiền nợ gốc, lãi, phí phạt tạm tính

đến ngày 23/6/2022 với tổng số tiền 94.097.219 đồng, bao gồm: Nợ gốc: 40.156.588 đồng, nợ lãi: 17.494.935 đồng, nợ phí: 36.445.696, đồng thời tiếp tục tính lãi, phí kể từ ngày 24/6/2022 cho đến khi bà Trần Thị Thu S thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản đã ký.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Vào ngày 19/12/2020 trên cơ sở Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng, Ngân hàng TMCP Q cấp cho bà Trần Thị Thu S thẻ tín dụng loại thẻ: Thẻ tín dụng quốc tế VIB MC ONLINE PLUS; với hạn mức 50.000.000đ. Lãi suất là 36%/năm trên dư nợ gốc. Phí thanh toán trễn hạn là 4% trên số tiền đến hạn thanh toán nhưng không trả nợ. Phí vượt hạn mức là 4% trên số tiền vượt hạn mức 50.000.000 đồng. Phí thường niên mỗi năm là 499.000 đồng.

Xét thấy Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng là một dạng Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa bà Trần Thị Thu S và Ngân hàng TMCP Q, các điều khoản thỏa thuận của Hợp đồng được dẫn chiếu theo quy định về Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP QViệc giao kết hợp đồng nói trên là đúng về chủ thể, nội dung Hợp đồng phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, từ ngày 10/6/2021 bà Trần Thị Thu S đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không thanh toán cho Ngân hàng theo Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế đến nay, mặc dù ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở. Như vậy, việc bà S tham gia sử dụng thẻ nhưng không tuân thủ quy định về nghĩa vụ của chủ thẻ, không trả nợ theo đúng kỳ hạn, vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Vào thời điểm phát hành thẻ cho khách hàng bà Trần Thị Thu S thì mức lãi suất cũng như các loại phí tại Ngân hàng được áp dụng theo các biểu phí dịch vụ và lãi suất thẻ Ngân hàng công bố tại website. Trên cơ sở biểu phí, căn cứ vào số tiền thực tế giao dịch của bà S, Ngân hàng đã chứng minh được quá trình sử dụng thẻ, tính đến ngày 23/6/2022, bà S đã nợ số tiền tổng cộng: 94.097.219 đồng, bao gồm: Nợ gốc: 40.156.588 đồng, nợ lãi: 17.494.935 đồng, nợ phí: 36.445.696. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Trần Thị Thu S phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền nói trên.

Đối với yêu cầu tiếp tục tính lãi suất, tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị tiếp tục tính lãi suất theo Hợp đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bị đơn phải tiếp tục chịu lãi suất theo Hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[4] Đối với chi phí đăng phát thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: đây là lệ phí phát sinh khi có yêu cầu của đương sự và đương sự có yêu cầu phải

chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự, Ngân hàng TMCP Q là người yêu cầu nên phải chịu lệ phí này.

[5] Về án phí, do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 180; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 15 Điều 4, Khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng*"* của Ngân hàng TMCP Q đối với bà Trần Thị Thu S.

Xử:

1. Buộc bà Trần Thị Thu S phải trả cho Ngân hàng TMCP Q tính đến ngày 23/6/2022 là 94.097.219 đồng trong đó; nợ gốc: 40.156.588 đồng, nợ lãi: 17.494.935 đồng, nợ phí: 36.445.696 đồng.

Lãi suất tiếp tục được tính kể từ ngày 24/6/2022 dựa trên Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng được ký kết giữa bà Trần Thị Thu Svà Ngân hàng TMCP Q vào ngày 19/12/2020 và quy định về Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Q cho đến khi bà Trần Thị Thu S thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền.

2. Về lệ phí đăng phát thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Ngân hàng TMCP Q phải chịu 4.683.274 đồng lệ phí đăng phát thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng (đã nộp và chi xong). Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 2.316.726 đồng (đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Q là ông Nguyễn Ngọc C đã nhận đủ số tiền trên).

3. Về án phí**:** Bà Trần Thị Thu S phải chịu 4.704.861 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.253.000đ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000603 ngày 31/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

4. Về quyền kháng cáo**:** Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại

phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND quận Hải Châu;
- Đương sự;
- Chi cục THA DS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Hữu